

Bản án số: 337/2022/DS-PT

Ngày 01/8/2022

V/v Tranh chấp tài sản chung của dòng họ
là quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp tài sản chung của dòng họ là quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2022/QĐ-PT ngày 28/4/2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2022/QĐ-PT ngày 25/5/2022, số 224/2022/QĐ-PT ngày 15/6/2022, số 334/2022/QĐ-PT ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm 1932 (đã chết).

Địa chỉ cư trú: khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn gồm:

1. Ông Võ Thành T, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: khóm S, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Võ Đình P, sinh năm 1964

3. Ông Võ Quốc T2, sinh năm 1971

4. Ông Võ Quốc K, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ cư trú: khóm Công C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Võ Thị N, sinh năm 1966

6. Ông Võ T3, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Thường Lạc, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Võ Việt C1, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa T11, xã Tân H4, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Quốc K, ông Võ T3: Ông Võ Thành T sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2019).

- **Bị đơn:** 1. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1935

2. Bà Võ Thị Thu V, sinh năm 1976

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị L2: Bà Võ Thị Thu V (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2019).

Cùng địa chỉ cư trú: khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Mai T4 - là Luật sư của Công ty Luật Tuyên T5 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 278, đường Nguyễn Thị Minh K1, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Võ Văn C2, sinh năm 1952

Địa chỉ cư trú: Khóm Trà Đ, phường An L, thành phố H, ĐT.

2. Ông Võ Văn T6, sinh năm 1963

Địa chỉ cư trú: khóm An L3, phường An B A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Võ Thành T, sinh năm 1958

Địa chỉ cư trú: Đường ĐT 841, khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T7, sinh năm 1947

5. Ông Nguyễn Hữu T8, sinh năm 1968

6. Ông Võ Văn L3 (tên gọi khác: C3), sinh năm 1962

7. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1939

8. Bà Hà Thị M1 , sinh năm 1957
9. Ông Trần Văn D, sinh năm 1983
10. Bà Hồ Thị T9, sinh năm 1970
11. Ông Võ Quốc L, sinh năm 1968
12. Bà Võ Thị Thanh V, sinh năm 1970
13. Ông Võ Quốc H2, sinh năm 1972
14. Bà Võ Thị Thu V, sinh năm 1976
15. Ông Võ Đức T10, sinh năm 1967
16. Ông Võ Đại H9 N1, sinh năm 1980
17. Ông Trần Văn S, sinh năm 1954
18. Bà Nguyễn Thị Quốc H3, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ cư trú: khóm Sờ T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

19. Bà Võ Thị N, sinh năm 1966
20. Ông Võ T3, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Thường L (xã Thường Thới Hậu B), huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

21. Ông Võ Việt C1, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa T11, xã Tân H4, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông C1: Bà Huỳnh Thị Kim Anh – sinh năm 1964, cư trú: Khóm Sờ T1, phường An L, TP. H, tỉnh ĐT (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021).

22. Ông Võ Đình P, sinh năm 1964
23. Ông Võ Quốc T2, sinh năm 1971
24. Ông Võ Quốc K, sinh năm 1973
25. Ông Hồ Văn T12, sinh năm 1968
26. Bà Hồ Thị Thu B2, sinh năm 1973
27. Bà Hồ Thị Thu H6, sinh năm 1955
28. Ông Võ Văn H7, sinh năm 1973
29. Bà Võ Thị Huệ B, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ cư trú: khóm Công C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

30. Bà Huỳnh Thúy L5, sinh năm 1953

Địa chỉ cư trú: Số nhà 39, đường Hùng V1, Khóm 2, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

31. Bà Trần Thị Bạch H7, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: Số nhà 87, đường Điện Biên P2, Khóm 5, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

32. Ông Trần Văn T13, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: Số nhà 9-11, Khóm 2, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

33. Bà Võ Thị C5, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Số nhà 84, đường Phạm Hùng D2, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

34. Bà Võ Thị N3, sinh năm 1959

Địa chỉ cư trú: Đường Nguyễn Trung Trực, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

35. Bà Võ Thị M3, sinh năm 1969

36. Ông Võ Long P4, sinh năm 1987

37. Bà Nguyễn Thị Mỹ D5, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ cư trú: khóm An Thành, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp

38. Bà Võ Thị X H6, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: khóm Mương Nhà Máy, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

39. Ông Võ Văn C6, sinh 1944

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Võ Văn C6 gồm:

39.1. Bà Võ Thị X H6, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: khóm Mương Nhà Máy, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

39.2. Ông Võ Long P4, sinh năm 1987

39.3. Bà Nguyễn Thị Mỹ D5, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ cư trú: khóm An Thành, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

40. Bà Võ Thị Q, sinh năm 1961

Địa chỉ cư trú: Số nhà 119, đường Nguyễn Trãi, Khóm 4, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

41. Bà Lê Thị P7, sinh năm 1944

Địa chỉ cư trú: Số 145, đường Nguyễn Trãi, Khóm 4, phường An T14, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

42. Ông Dương Minh K5, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường An B B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

43. Bà Võ Thị H8, sinh năm 1948

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trang Ngọc X, sinh năm 1962

2. Ông Lê H9 A1, sinh năm 1962

3. Bà Nguyễn Thị Kim H9, sinh năm 1966

4. Bà Trần Thị G, sinh năm 1966

5. Ông Đặng văn S2, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ cư trú: khóm Sở Thượng, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị L2, chị Võ Thị Thu V.

(Chị V, Luật sư T4, ông D có mặt; ông C1, ông T13 có đơn xin vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt không có lý do).

NỘI D5 VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Võ Văn K (chết), Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Võ Văn K là ông Võ Thành T trình bày:**

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Võ Bằng Điều có một mảnh đất tại xã Thường lạc (nay là phường An L) có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp sông Sở Thượng;
- Hướng Tây giáp đất ông Út Chiên (cây xăng Dương Ý)
- Hướng Bắc giáp đất ông Tiên (chết) và ông Kim Long (chết);

- Hướng Nam giáp đất ông Lâm (chết).

Trước khi ông Điều chết (năm 1909) thì đất được chia đều cho các con của ông gồm: Võ Đại Độ, Võ Văn Cấu (cha chồng bà L2), Võ Bá Chiến, Võ Thị Tiếng, Võ Thị Sành và Võ Văn Sang. Phần đất được chia sẽ dọc từ sông Sở Thượng đến cây xăng Dương Ý ngày nay, những người này chỉ cất nhà ở mặt tiền (hướng ra sông sở Thượng), còn phía sau thì chưa sử dụng, đồng thời có một khoảng đất trống để làm đất tông chi chôn cất người thân trong tộc họ và những người khác chết mà không có chỗ chôn.

Sau khi ông Điều chết thì trước năm 1975 người quản lý phần đất trống nêu trên là ông Võ Văn Cưu (cháu nội ông Điều), ai có nhu cầu muốn chôn cất người thân thì phải thông qua ý kiến của ông Cưu (điều này có giấy xác nhận của những người thân của những ngôi mộ còn trên đất tranh chấp). Sau khi ông Cưu chết thì con trai ông là ông Võ Sĩ Hiền thay ông làm nhiệm vụ trong coi, quản lý phần đất này, ông Hiền chết thì em gái của ông là bà Võ Thị Bon trong coi, bà Bon chết để lại cho chồng là Trần Văn S trong coi. Phần đất trống này là đất tông chi không ai sử dụng vào mục đích cá nhân.

Sau khi mở lộ ĐT 841 thì phần đất phía ngoài sông Sở Thượng đến cây xăng Dương Ý (giáp đất ông Tiên và ông Long) trở thành mặt tiền, phần đất của ông Cấu sau khi chết để lại cho con ông là Võ Văn Thời, ông Thời chết thì vợ ông là bà Lê Thị L2 giành lấy 05 nền đất (trong đó có dính phần đất hậu của các anh, em trong thân tộc) cho các con của bà. Những người con của bà L2 cũng bán dần 05 nền, còn bà L2 thì lùi lại hậu đất phía sau để ở. Như vậy ngoài khu mộ tông chi họ Võ thì vẫn còn một khoảng đất trống.

Tháng 02/2017 ông Trần Văn D có qua hỏi ông xin bơm một ghe rươi cát (khoảng 180m³, giá khoảng 8.000.000đồng) để tránh nước động gây hôi thối xung quanh.

Ngày 12/4/2017 phía bà L2 và bà V tự ý rào và bao chiếm phần đất trống của tông chi và đồng thời trồng hơn 10 cây xoài trên phần đất này (hiện trên đất vẫn còn 04 ngôi mộ của ngoài tộc họ chưa được di dời).

Tại biên bản hòa giải ngày 11/10/2017 tại UBND phường An L thì bà L2 thừa nhận đất mà bà bao chiếm là của ông Võ Bàng Điều.

Nay ông đại diện cho gia tộc họ Võ yêu cầu bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V trả lại phần đất đã bao chiếm theo đo đạc thực tế là 344,2m² thửa 431, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, hiện đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, để phần đất này có thể chôn cất người thân trong tộc họ.

- Bị đơn Võ Thị Thu V và bà V đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L2 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Diệp Văn Cho KH6 hoang từ trước giải phóng và được chính quyền chế độ cũ cho lãnh tiền truat hữu theo luật người cày có ruộng. Ông Nguyễn Kim Long được ông Cho cho một phần đất để cho bà con trong vùng sử dụng, còn một khoảng đất trống, trũng nước không thể KH6 thác được nên vào năm 1983 ông Long kêu gia đình bà vào ở, thời điểm đó ngoài gia đình bà thì không có ai ở. Trong quá trình sử dụng đất bà có cho ông Kịch ở trên một phần đất nêu trên, sau này ông Kịch cho con là ông Võ Thành T xây cất nhà, cho ông Nguyễn Hữu Tâm, ông Võ Văn Đức, ông Võ Văn Hồng, ông Võ Thanh Phong mỗi người một nền (thời điểm cho đó chưa có cầu Sở Thượng), số đất còn lại bà cất nhà và một phần đất trống phía sau chùa Hương Diễn (đất tranh chấp), phần đất bà trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay và không ai tranh chấp. Tại thời điểm bà quản lý, sử dụng đất thì hiện trạng đất trũng ngập nước, trong quá trình sử dụng thì bà có bơm một ghe cát khoảng 110m³, có giá 9.000.000đồng và trồng cây ăn trái.

Bà không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn trả lại đất theo đo đạc thực tế là 344,2m² thửa 431, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, hiện đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Ngày 18/01/2021 bà Võ Thị Thu V có đơn yêu cầu phản tố với nội dung: Nếu Tòa án giải quyết không giữ nguyên hiện trạng đất cho bà sử dụng thì bà yêu cầu buộc người được quyền quản lý, sử dụng đất trả số tiền bơm cát là 9.000.000đồng và tiền trồng xoài 1.000.000đồng, tổng cộng 10.000.000đồng (mười triệu đồng chẵn).

Ông Võ Thành T đại diện tộc họ Võ không thống nhất theo yêu cầu phản tố của bà V vì ông Trần Văn D mới là người thuê ghe bơm cát, không phải bà V. Đối với cây trồng trên đất là do bà V bao chiếm đất, tự ý trồng cây, nên bà V tự xử lý di dời phần cây đó ra khỏi đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày: Ông Diễn xác nhận có bơm 02 ghe cát, mỗi ghe là 9.000.000đ nhưng không nhớ cụ thể là năm nào. Lúc bơm thì có xin phép bà L2, bà V và ông T, ông bơm 01 ghe, bà V bơm 01 ghe nhưng bà V không có tiền nên ông trả luôn phần của bà V, sau này bà V có trả lại cho ông 9.000.000đ. Đối với số tiền 9.000.000đ ông bỏ ra bơm cát ông không yêu cầu các đương sự trong vụ án trả lại, ông không có tranh chấp gì trong vụ kiện này. Còn đối với câu thang nếu Tòa án xét xử phần đất thuộc về ai thì ông thống nhất di dời, không tranh chấp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan bà Hà Thị M1 trình bày:** bà và con bà là Trần Văn D có làm cầu thang tiền chế bằng sắt trên phần đất tranh chấp để tiện cho người dân đi thăm mộ, nay phần đất xảy ra tranh chấp, nếu Tòa án xét xử phần đất thuộc về ai thì bà và con bà thống nhất di dời, không tranh chấp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan bà Nguyễn Thị B1, bà Hà Thị T16, bà Hồ Thị Thu H6, bà Hồ Thị Thu B2 và ông Hồ Văn T12 thống nhất trình bày:** Đối với 04 ngôi mộ trên đất tranh chấp là của cha, mẹ của bà Bê, bà T16, bà H6, bà B2 và ông Tư. Tất cả yêu cầu được giữ nguyên trên đất tranh chấp, ngoài ra không yêu cầu hay tranh chấp gì khác.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan: ông Võ Văn L3; bà Trần Thị Bạch H7; bà Nguyễn Thị Quốc H3; ông Võ Đình P; ông Võ Quốc T2; ông Võ Quốc K; bà Võ Thị Q; ông Võ T3; bà Võ Thị N; ông Võ Việt C1; bà Nguyễn Thị Thanh T7; ông Nguyễn Hữu T8; ông Võ Đức T10; ông Võ Đại H9 N1; bà Võ Thị H7 B; ông Trần Văn S; ông Võ Hồng Hào; ông Trần Văn T13; bà Lê Thị P7; bà Võ Thị C5; bà Võ Thị N3; bà Huỳnh Thúy L5; bà Võ Thị M3; ông Dương Minh K5; bà Võ Thị X Hường, bà Nguyễn Thị Mỹ D5, ông Võ Long P4 (đồng thời bà Võ Thị X Hường, bà Nguyễn Thị Mỹ D5, ông Võ Long P4 đều là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn C6 chết); bà Võ Thị H8; ông Võ Văn H7 ; ông Võ Văn C2; ông Võ Văn Tổng thống nhất trình bày:** Nguồn gốc đất tranh chấp là gia tộc họ Võ, các ông bà đều là con cháu của nhà họ Võ. Các ông bà không tranh chấp phần đất này. Nếu Tòa án xác định đất là đất của gia tộc họ Võ thì các ông bà thống nhất giao phần đất này cho ông Võ Thành T quản lý.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan bà Võ Thị Thanh V, ông Võ Quốc L, ông Quốc H2 thống nhất trình bày:** Các ông, bà thống nhất theo lời khai của bà Võ Thị Thu V. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Kim Long cho cha mẹ các ông bà, không phải đất tông chi nhà họ Võ. Nay phần đất này xảy ra tranh chấp các ông bà không tranh chấp.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V di dời các vật kiến trúc và toàn bộ cây cối trên đất giao trả lại cho ông Võ Thành T tạm quản lý phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 344,2m² thửa 431, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường phân đất của bà G cạnh dài 17,74m (từ mốc 4 đến mốc 5 trở mốc 4).

- Hướng Tây giáp đất bà Mai cạnh dài 16,22m (từ mốc 1 đến mốc 2 trở lại mốc 1).

- Hướng Nam giáp ông Trần Văn Diễm cạnh dài 18,35m (từ mốc 1 đến mốc 5, 6, 7 trở lại mốc 1).

- Hướng Bắc giáp với ông Nam cạnh 14,36m và 5,14m (từ mốc 2 đến mốc 3 đến mốc 4 trở lại mốc 2).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2019 và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 28/3/2019).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Thu V.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Võ Thành Thuận hỗ trợ bà Võ Thị Thu V số tiền bơm cát là 4.000.000đ(bốn triệu đồng chẵn).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V pH2 chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.786.000đ. Nhưng bà L2 là người cao tuổi nên bà Lê Thị L2 được miễn 1.893.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Thu V phải chịu 1.893.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và bà V phải chịu 500.000đ (phần phản tố không được chấp nhận). Tổng cộng bà Võ Thị Thu V phải chịu 2.393.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0008854 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Vậy bà Võ Thị Thu V phải nộp thêm số tiền là 2.093.000đ.

- Ông Võ Văn Kịch (chết) được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Buộc bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V chịu 3.222.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá để trả lại cho ông Võ Thành Thuận số tiền 3.222.000đ vì ông Tđã tạm ứng trước và chi xong.

- Ngày 16/4/2021 bà L2 và bà V kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Tại P4ên tòa phúc thẩm Luật sư Tuyên phát biểu:

+ Nguyên đơn cho rằng đất của dòng họ Võ nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, chỉ có lời KH6 của những người trong tộc họ là KH6 một phía không đáng tin cậy.

+ Nguồn gốc đất tranh chấp do gia đình bà L2 quản lý, sử dụng từ năm 1983. Bà L2 cất nhà, cất chuồng nuôi heo, ao nuôi cá, trồng cây trên đất. Nên gia đình bà L2 sử dụng đất ổn định lâu dài.

+ Ông Diễn trình bày đất tranh chấp do gia đình bà L2 quản lý, sử dụng từ năm 1983. Ông Diễn chỉ cho gia đình bà L2 đi nhờ lối đi vào đất tranh chấp, không có cho người nào khác đi.

+ Công văn số 1234/CNVPĐKĐĐ ngày 13/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H cung cấp là chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai.

+ Năm 2017 gia đình bà L2 cùng với ông D bơm cát san lấp phần đất trũng để không bị nước ứ đọng.

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà L2 và bà V, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chị V phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà L2 và bà V, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông D phát biểu: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, vì từ trước đến nay gia đình bà L2 sử dụng phần đất tranh chấp, đồng thời ông D chỉ cho gia đình bà L2 đi nhờ trên đất của ông D vào đất, các người khác ông không đồng ý cho đi nhờ đất của ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại P4ên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L2 và bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp tài sản chung của dòng họ là quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản là đúng pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của bà L2 và chị V yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc đòi lại 334,2m² đất và chấp nhận yêu cầu phản tố cho bà L2, chị V tiếp tục sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Nguyên đơn ông T đại diện cho dòng họ Võ cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp của cụ Điều để lại và đất được chia đều cho các con của ông gồm: Võ

Đại Độ, Võ Văn Cầu (cha chồng bà L2), Võ Bá Chiến, Võ Thị Tiếng, Võ Thị Sành và Võ Văn Sang. Phần đất được chia sẽ dọc từ sông Sở Thượng đến cây xăng Dương Ý ngày nay, những người này chỉ cất nhà ở mặt tiền (hướng ra sông sở Thượng), còn phía sau thì chưa sử dụng, đồng thời có một khoảng đất trống để làm đất tồng chi chôn cất người thân trong tộc họ và những người khác chết mà không có chỗ chôn.

Tuy nhiên ông T không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Sổ địa chính và sổ mục kê không có tên của đại diện dòng họ Võ. Đồng thời xung quanh, tứ cận phần đất tranh chấp không giáp với phần đất nào của dòng họ Võ.

Bị đơn bà L2 và chị V thì cho rằng nguồn gốc đất là của ông Diệp Văn Cho, ông Cho cho ông Nguyễn Kim Long, ông Long là bạn của ông Võ Văn Thời (chồng của bà L2) là khi ông Thời còn sống thì ông Long có kêu ông Thời lại để cho một khoảng đất trống (trũng nước), năm 1979 ông Thời chết đến năm 1983 bà L2 quản lý, sử dụng phần đất từ năm 1983 đến nay, có làm nhà, xây chuồng nuôi heo, phân ao thì nuôi cá.

Bà V cũng không có cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Nhưng theo lời trình bày của ông Huỳnh Văn Ninh và ông Nguyễn Kim Long (vào năm 2007, cung cấp trong 01 vụ án tranh chấp khác) để tham khảo thêm về nguồn gốc đất thì cũng giống như lời trình bày của bà L2 và bà V.

Tờ xác nhận của bà Trang Ngọc X (con ông Long) và bà Nguyễn Thị Kim H9 xác nhận nội dung: *“phần đất tranh chấp là của bà L2 được ông Diệp Văn Cho cho ở từ năm 1983”*.

Tại Biên bản lấy lời KH6 ngày 05/6/2018 của bà Trang Ngọc X KH6 rằng: *“Nguồn gốc đất tranh chấp ở đâu bà không biết, năm 1983-1984 bà có thấy Dũng là con của bà L2 vào ở đất giáp lộ 841, phía sau là hầm và chuồng heo của bà L2 (dính phần đất tranh chấp). Lúc này chỉ thấy Dũng, Hùng, L2 sống trên đất, diện tích bao nhiêu thì bà không nắm. Gia đình bà có người bác ruột chết, có xin bà L2 chôn nhờ trên đất. Năm 1991 thì bà mới ra cất nhà đối diện với nhà của bà L2”*.

[2.2] Về thủ tục đăng ký đất, sổ mục kê, sổ địa chính:

Phần đất tranh chấp được cơ quan có thẩm quyền xác định chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai hết. Thể hiện tại Công văn số 1234/CNVPĐKĐĐ ngày 13/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H cung cấp thông tin: *“...Theo hồ sơ địa chính do cơ quan lưu trữ theo sổ mục kê chưa có tên chủ sử dụng, đồng thời chưa có tên chủ sử dụng đất trên trang sổ địa chính đối với phần đất này”*.

[2.3] Quá trình sử dụng đất:

Xét lời trình bày của chị V, đồng thời là đại diện của bà L2 và người làm chứng ông Trần Văn D trình bày từ năm 1983 đến nay gia đình bà L2 quản lý, sử dụng đất như cất nhà ở, cất chuồng nuôi heo được một thời gian thì chuyển nhà chỗ khác nhưng vẫn quản lý, sử dụng đất. Khi sử dụng đất thì bà L2 đi nhờ đất của ông Diễm và tại P4ên tòa ông Diễm xác định chỉ cho gia đình bà L2 đi nhờ lỗi đi.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ L2 quan là những người có mộ của nhân thân chôn trên đất tranh chấp như bà Hồ Thị Thu H6, bà Hồ Thị Thu B2, ông Hồ Văn Tư, ông Lê Hoàng A, bà Hồ Thị T9, bà Nguyễn Thị B1 có văn bản tường trình (có xác nhận chữ ký của UBND phường An L), với nội D5 như sau: *“Gia đình chúng tôi xin gia đình bà L2 chôn mộ. Vì đất này là của bà L2 quản lý trông coi từ trước đến nay. Đất này không pH2 của dòng họ Võ”*.

Trên đất bà L2 có trồng cây ăn trái, bà L2 có hùn với ông Diễm bom 02 ghe cát để tránh bị nước ứ đọng. Đồng thời có nhiều người xin bà L2 để chôn cất cho người thân trên phần đất này là có thật.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm giao đất cho ông T là chưa phù hợp vì H6 bên chưa chứng minh rõ nguồn gốc đất, bên ông T đại diện dòng họ Võ không chứng minh được việc quản lý đất, đồng thời không có lối đi vào đất nên bản án sơ thẩm giao đất cho dòng họ Võ, đại diện là ông T là chưa phù hợp với thực tế.

Do có cơ sở xác định được bà L2 đã quản lý sử dụng phần đất tranh chấp ổn định, lâu dài từ năm 1983 đến nay. Đồng thời bà L2 là vợ của ông Võ Văn Thời, ông Thời là con cụ Võ Văn Cấu đều là thành viên của dòng họ Võ. Cho nên tiếp tục giao cho bà L2 quản lý, sử dụng đất là phù hợp. Tuy nhiên buộc bà L2, chị V có trách nhiệm trả giá trị đất diện tích $334,2m^2 \times 220.000đ/m^2 = 73.524.000đ$ cho dòng họ Võ, đại diện là ông T nhận.

[3] Đối với 04 ngôi mộ trên phần đất tranh chấp hiện nay gia đình họ đã di dời xong nên không xem xét (Tòa án cấp phúc thẩm có đi xem xét thẩm định tại chỗ).

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L2, chị V, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L2, chị V nên bà L2, chị V không pH2 chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị L2 và chị Võ Thị Thu V.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp D5 Điều 160, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 208, Điều 211, Điều 216 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về M3 thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Võ Thành T đại diện dòng họ Võ) về việc yêu cầu bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V trả lại diện tích đất 334,2m² đất thuộc thửa 431, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Buộc bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V có nghĩa vụ L2 đổi trả giá trị diện tích đất 334,2m² với số tiền 73.524.000đ cho nguyên đơn ông Võ Thanh T (đại diện dòng họ Võ nhận).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo M3 lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 344,2m² thửa 431, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại khóm Sở T1, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường phần đất của bà G cạnh dài 17,74m (từ mốc 4 đến mốc 5 trở mốc 4).

- Hướng Tây giáp đất bà Mai cạnh dài 16,22m (từ mốc 1 đến mốc 2 trở lại mốc 1).

- Hướng Nam giáp ông Trần Văn D cạnh dài 18,35m (từ mốc 1 đến mốc 5, 6, 7 trở lại mốc 1).

- Hướng Bắc giáp với ông Nam cạnh 14,36m và 5,14m (từ mốc 2 đến mốc 3 đến mốc 4 trở lại mốc 2).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2019 và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 28/3/2019).

Bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V được đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai xin cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với diện tích theo đo đạc thực tế là 344,2m² như đã tuyên án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Thu V.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.676.000đ. Nhưng bà L2 là người cao tuổi nên bà Lê Thị L2 được miễn 1.838.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Thu V phải chịu 1.838.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và bà V phải chịu 500.000đ (phần phản tố không được chấp nhận). Tổng cộng bà Võ Thị Thu V phải chịu 2.338.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0008854 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Vậy bà Võ Thị Thu V phải nộp thêm số tiền là 2.038.000đ.

- Bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000đ tiền tạm nộp án phí theo biên lai số 0013410 ngày 22/04/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Buộc bà Lê Thị L2 và bà Võ Thị Thu V chịu 3.222.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá để trả lại cho ông Võ Thành Thuận số tiền 3.222.000đ, vì ông T đã tạm ứng trước và cho xong.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS TP.H;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA P4ÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông